

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II
MÔN TIN HỌC LỚP 6

- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm tương ứng với 14 câu mỗi câu 0,5 điểm, 30% tự luận).
- Thời gian làm bài: 45 phút

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	
1	Chủ đề 4. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	Bài 9: An toàn thông tin trên Internet (Đề phòng một số tác hại khi tham gia Internet)	3		3			1			40% (4 điểm)
2	Chủ đề 5. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Bài 11: Định dạng văn bản	5		3			1			60% (6 điểm)
Tổng			8		6			2			
Tỉ lệ %			40%		30%		30%		0%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KỲ (GIỮA HK II)
MÔN: TIN HỌC LỚP 6

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 4. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	Đề phòng một số tác hại khi tham gia Internet	Nhận biết Nêu được một vài cách thông dụng để bảo vệ, chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp. Câu 1, câu 2, câu 3 Thông hiểu – Nêu và thực hiện được một số biện pháp cơ bản để phòng ngừa tác hại khi tham gia Internet với sự hướng dẫn của giáo viên. câu 4, câu 5 - Trình bày được tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân và tập thể, nêu được ví dụ minh họa. câu 6 Vận dụng Thực hiện được các thao tác để bảo vệ thông tin và tài khoản cá nhân.	3(TN)	3(TN)	1(TL))	
	Chủ đề 5. Ứng dụng tin học	Định dạng văn bản	Nhận biết Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản. câu 7, câu 8, câu 9, câu 11, câu 14 Thông hiểu Hiểu và trình bày được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng văn bản. câu 10, câu 12, câu 13. Vận dụng Thực hiện được việc định dạng văn bản , trình bày trang văn bản và in.	5(TN)	3(TN)	1(TL))	
Tổng				8 TN	6 TN	3TL	
Tỉ lệ %				40%	30%	30%	0%
Tỉ lệ chung				70%		30%	

I. Phần trắc nghiệm: (7 điểm) Học sinh khoanh vào câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Hãy chọn đáp án **SAI** trong các phương án dưới đây. Khi sử dụng Internet, em có thể

- A. Tin tưởng mọi nguồn thông tin trên mạng. B. Bị lôi kéo vào các hoạt động không lành mạnh.
C. Máy tính bị nhiễm virus hay mã độc. D. Bị lừa đảo hoặc lợi dụng.

Câu 2: Việc làm nào sau đây là **SAI** khi sử dụng Internet

- A. Thường xuyên sử dụng Internet ở các máy tính công cộng
B. Sử dụng phần mềm diệt virus cho máy tính
C. Sử dụng mạng Internet phục vụ cho việc học tập
D. Không chia sẻ thông tin cá nhân và gia đình lên Internet

Câu 3: Khi sử dụng internet, những việc làm nào sau đây khiến em gặp nguy cơ bị hại?

- A. Đặt mật khẩu mạnh, bảo vệ mật khẩu
B. Đăng xuất các tài khoản khi đã dùng xong
C. Định kì thay đổi mật khẩu của tài khoản cá nhân trên mạng xã hội và thư điện tử.
D. Mở liên kết được cung cấp trong thư điện tử không biết rõ nguồn gốc

Câu 4: Bạn của em nói cho em biết một số thông tin riêng tư không tốt về một bạn khác cùng lớp. Em nên làm gì?

- A. Đăng thông tin đó lên mạng để mọi người đều đọc
B. Đăng thông tin đó lên mạng nhưng hạn chế chỉ bạn bè xem được
C. Đi hỏi thêm thông tin, nếu đúng sẽ đăng lên mạng cho mọi người biết
D. Bỏ qua không để ý vì thông tin đó có thể không đúng, nếu đúng thì cũng không nên xâm phạm vào những thông tin riêng tư của bạn.

Câu 5: Khi bị một người quen chụp được một khoảnh khắc xấu của em và đe dọa đăng lên mạng xã hội. Em sẽ làm gì?

- A. Không quan tâm B. Sợ hãi, im lặng không nói với ai
C. Làm theo sự điều khiển của người đó để không bị đăng ảnh lên mạng xã hội
D. Nói với người lớn để nhờ sự giúp đỡ

Câu 6: Khi truy cập Internet, em nhận được một mẫu điền thông tin cá nhân để nhận thưởng không rõ nguồn gốc, em sẽ làm gì?

- A. Chia sẻ cho bạn bè để cùng nhận thưởng B. Im lặng, điền thông tin nhận thưởng một mình
C. Không điền thông tin và thoát khỏi trang web đang truy cập D. Không quan tâm

Câu 7: Mục đích của định dạng văn bản là gì?

- A. Giúp văn bản đẹp B. Giúp văn bản dễ đọc
C. Giúp người đọc dễ ghi nhớ các nội dung.
D. Giúp văn bản đẹp, dễ đọc và người đọc dễ ghi nhớ các nội dung.

Câu 8 : Tên phần mềm soạn thảo văn bản được dùng phổ biến hiện nay:

- A. Microsoft Wosd C. Microsoft Excel
B. Microsoft Word D. Microsoft PowerPoin

Câu 9: Các lệnh định dạng đoạn văn bản nằm trong nhóm lệnh nào dưới đây?

- A. Page Layout B. Design C. Paragraph D. Font

Câu 10: Để căn lề giữa cho đoạn văn bản, ta chọn nút lệnh nào dưới đây?

- A.  B.  C.  D. 

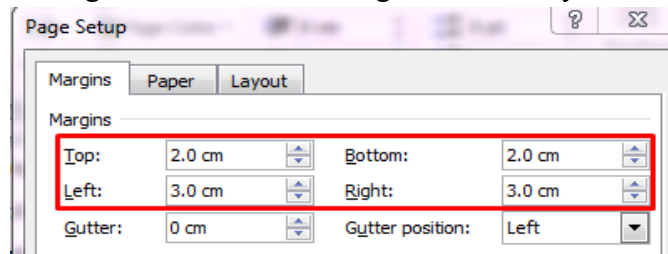
Câu 11: Phát biểu nào đúng khi nói đến cách để xác định đoạn văn bản cần định dạng

- A. Đánh dấu một phần đoạn văn bản. B. Đánh dấu toàn bộ đoạn văn bản.
C. Đặt con trỏ vào trong đoạn văn bản. D. **Hoặc A hoặc B hoặc C**

Câu 12: Để định dạng chữ đậm cho kí tự, ta chọn kí tự và nháy chuột vào nút nào?

- A.  B. 
C.  D. 

Câu 13: Ý nghĩa của các nội dung được khoanh đỏ trong hình dưới đây là:



- A. Cho biết lề trên và lề dưới là 2.0cm, lề trái và lề phải là 3.0cm
B. Cho biết lề trên và lề dưới là 3.0cm, lề trái và lề phải là 2.0cm
C. Cho biết lề trên và lề dưới là 3.0cm, lề trái và lề phải là 3.0cm
D. Cho biết lề trên và lề dưới là 2.0cm, lề trái và lề phải là 2.0cm

Câu 14: Trong phần mềm soạn thảo Word 2010 lệnh Portrait dùng để.

- A. **Chọn hướng trang đứng.** C. chọn hướng trang ngang.
B. Chọn lề trang. D. Chọn lề đoạn văn bản.

II. Phần tự luận: (3 điểm) Học sinh trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1: (2 điểm)

- a) Em hãy nêu các tác hại, nguy cơ khi dùng internet?
b) Liên hệ bản thân em: Em nên làm gì để bảo vệ thông tin và tài khoản cá nhân?

Câu 2: (1 điểm)

Bạn Việt đã soạn thảo một câu ca dao và định dạng văn bản như hình dưới. Theo em, bạn Việt đã sử dụng những định dạng nào để định dạng văn bản? Em hãy nêu tác dụng của các định dạng đó?



CA DAO

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh, bông trắng lại chen nhụy vàng
Nhụy vàng, bông trắng, lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.
(Tục ngữ ca dao Việt Nam)

----- **HẾT** -----

(Đề thi gồm có trang)

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

I. Phần trắc nghiệm (7 điểm): Mỗi câu trắc nghiệm đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đáp án	A	A	D	D	D	D	D	B	C	C	D	A	A	A

II. Phần tự luận (3 điểm)

Câu hỏi	Nội dung	Điểm
Câu 1 (2 điểm)	a) Nêu các tác hại, nguy cơ khi dùng internet: - Thông tin cá nhân bị lộ hoặc bị đánh cắp. (0.2đ) - Máy tính bị nhiễm virus hay mã độc. (0.2đ) - Bị lừa đảo, dụ dỗ, đe dọa, bắt nạt trên mạng. (0.2đ) - Tiếp nhận thông tin không chính xác. (0.2đ) - Nghiện internet, nghiện trò chơi trên mạng. (0.2đ) b) Liên hệ của học sinh: Để bảo vệ thông tin và tài khoản cá nhân: - Cài đặt và cập nhật phần mềm chống virus. (0.2đ) - Đặt mật khẩu mạnh, bảo vệ mật khẩu. (0.2đ) - Đăng xuất các mật khẩu khi đã dùng xong. (0.2đ) - Tránh dùng mạng công cộng. Không truy cập vào các liên kết lạ, không mở thư điện tử và tệp đính kèm gửi từ người không quen, không kết bạn và nhắn tin cho người lạ. (0.2đ) - Không chia sẻ thông tin cá nhân và những thông tin chưa được kiểm chứng trên internet, không lan truyền tin giả làm tổn thương người khác. (0.2đ)	
Câu 2 (1 điểm)	- Tên bài: Chữ đậm, căn lề giữa. - Nội dung: Chữ thường, căn lề giữa - Chú thích: Chữ nghiêng, căn lề phải Giải thích tác dụng: Giúp cho văn bản dễ nhìn, đẹp mắt và khoa học hơn.	0.25đ 0.25đ 0.25đ 0.25đ

Chú ý:

- Học sinh giải cách khác đúng vẫn cho điểm tối đa.
- Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình chấm phải được trao đổi trong tổ chấm và chỉ cho điểm theo sự thống nhất của cả tổ.
- Điểm toàn bài là tổng số điểm các phần đã chấm, không làm tròn điểm.